

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn một số điểm về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trật an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị

Căn cứ Điều 29 Nghị định 49/CP ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

Căn cứ Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường Bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

Để việc xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị theo quy định của Nghị định 49/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ được áp dụng thống nhất trong cả nước, Liên Bộ Nội vụ - Giao thông vận tải hướng dẫn một số điểm như sau:

I. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỂM VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG II CỦA NGHỊ ĐỊNH 49/CP NGÀY 26/7/1995

1. Trồng cây trong phạm vi bảo vệ đường làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông (điểm a, khoản 1, Điều 4). "Tầm nhìn của người điều khiển giao thông" là tầm nhìn tối thiểu trực diện và tầm nhìn bên của người điều khiển giao thông.

Tầm nhìn trực diện xác định theo điều kiện làm việc của mắt người điều khiển phương tiện ở độ cao giả định 1m20 so với mặt đường và vị trí của phương tiện ở làn xe ngoài cùng phía phải cách mép mặt đường 1,5m như sau:

Tốc độ xe chạy trên đường	Tầm nhìn tối thiểu (m)	

(km/h)	Tầm nhìn đường một chiều	Tầm nhìn đường hai chiều
80	100	200
60	75	150
40	50	80
25	20	40

Tầm nhìn bên là tầm nhìn tối thiểu dọc 2 bên đường để người điều khiển phương tiện có thể xử lý các trở ngại xuất hiện từ dọc hai bên đường.

Ở những đoạn đường có thể có người, súc vật, phương tiện từ bên đường đi vào thì không được trồng cây trong phạm vi bảo vệ đường.

Khi trồng cây trong phạm vi bảo vệ đường không bảo đảm tầm nhìn theo quy định ở trên thì bị xử phạt theo điểm a, khoản 1, Điều 4.

Nếu trồng cây trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông mà che khuất không bảo đảm tầm nhìn thấy của biển báo hiệu từ cự ly 150m trên những đoạn đường xe chạy tốc độ cao và có nhiều làn xe, 100m trên những đoạn đường ngoài phạm vi khu đông dân cư, 50m trên những đoạn đường trong phạm vi khu đông dân cư thì bị xử phạt theo điểm a, khoản 2, Điều 4.

2. Việc tự ý mở đường ngang qua đường bộ, đường có giải phân cách (điểm d, khoản 2, Điều 6).

Việc tự ý mở đường ngang qua đường bộ, đường có giải phân cách là tự ý làm đường nối vào đường bộ, đặt đường sắt giao cắt mặt bằng với đường bộ, phá bỏ giải phân cách cứng của đường bộ để tạo lối ngang qua đường bộ.

3. Dùng ô, dù để che nắng, mưa khi đi xe đạp và dùng ô, dù để che nắng, mưa khi điều khiển xe máy, mô tô (điểm b, khoản 1, Điều 8 và điểm b, khoản 1, Điều 11).

Hành vi này quy định đối với người ngồi trên xe đạp, xe máy, mô tô (bao gồm cả người điều khiển và người được chở theo) sử dụng ô, dù để che nắng, che mưa.

4. Vấn đề dừng, đỗ của phương tiện.

a. Đỗ, dừng xe ô tô không đúng quy định, (điểm b, khoản 1, Điều 13).

Xử phạt các hành vi trong điểm h, Điều 39 Điều lệ trật tự án toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị ban hành kèm theo Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ, đồng thời chú ý hiệu lực của biển "Cấm dừng đỗ xe" "Cấm đỗ xe" quy định tại phụ lục số 3 Điều lệ báo hiệu đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3485/KHKT ngày 12/11/1984 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Nơi không có biển cấm dừng thì được dừng, nơi không có biển cấm đỗ thì được đỗ.

Trường hợp bất khả kháng như đang đi trên đường đột ngột bị hỏng máy, hỏng lốp mà phải dừng, đỗ trong phạm vi cấm dừng, cấm đỗ thì không xử phạt.

b. Đối với xe máy, mô tô, xe máy lôi, xích lô máy: Đỗ xe, dừng xe ở lòng đường, chỗ cấm đỗ, cấm dừng (điểm c, khoản 1, Điều 11).

Chỉ xử phạt đối với các trường hợp đỗ xe, dừng xe ở lòng đường gây cản trở giao thông đã được nhắc nhở mà không chấp hành. Các trường hợp đỗ ở chỗ cấm đỗ, dừng ở nơi cấm dừng đều phải xử phạt.

c. Dừng xe ở lòng đường, chiều đường không đúng quy định gây cản trở giao thông (điểm c, khoản 1, Điều 8). Dừng xe đẩy làm quây hàng hoá lưu động trên đường trái với quy định gây cản trở giao thông (điểm c, khoản 1, Điều 9).

Chỉ xử phạt đối với các trường hợp gây cản trở giao thông, đã được nhắc nhở mà không chấp hành.

d. Xe đạp, xe máy, mô tô chở quá số người quy định (điểm a, khoản 3, Điều 8; điểm d khoản 1 Điều 11) trong tình thế cấp thiết như chở người đi cấp cứu thì không xử phạt.

đ. Đón trả khách không đúng bến, không đúng quy định (điểm b, khoản 1, Điều 14). Không áp dụng đối với ô tô taxi ở những nơi không có bến, ô tô chở khách theo hợp đồng.

5. Không chấp hành sự kiểm tra, kiểm soát của cảnh sát giao thông khi có vi phạm (điểm g, khoản 2, Điều 11; điểm e, khoản 3, Điều 13).

Hành vi này bao gồm: không chấp hành hiệu lệnh dừng xe, không xuất trình giấy tờ theo yêu cầu của cảnh sát giao thông - trật tự.

6. Về giấy phép lái xe (điểm e, khoản 2, Điều 11; điểm g, khoản 3 Điều 13).

Trước ngày 1/8/1995 "Giấy phép lái xe" do Bộ Nội vụ cấp nếu chưa hết hạn vẫn có giá trị. Sau ngày 1/8/1995 Giấy phép lái xe được đổi thành "bằng lái xe" do Bộ Giao thông vận tải cấp. Người điều khiển phương tiện chỉ được điều khiển loại phương tiện theo đúng quy định ghi trên "Giấy phép lái xe" hoặc đúng phân hạng quy định tại Điều lệ thi, cấp bằng lái xe ban hành kèm theo Quyết định 3395-QĐ/TCCB-LĐ ngày 01/7/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

7. Không làm thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu xe hoặc chuyển vùng theo quy định (điểm h, khoản 2, Điều 11).

Chỉ xử phạt khi đã có căn cứ xác định chính xác hành vi không chuyển đổi quyền sở hữu (bán, cho, tặng) hoặc chuyển vùng (di chuyển hộ khẩu đến địa phương khác, hoặc xe của tổ chức mà điều chuyển sang địa phương khác) theo quy định tại Thông tư 03-TT/BNV ngày 24/7/1995 của Bộ Nội vụ.

Không xử phạt các trường hợp đi xe mượn của người khác.

8. Điều khiển xe chưa có đăng ký, xe không có biển số hoặc gắn biển số giả (điểm b, khoản 3, Điều 11).

Không xử phạt xe chưa có đăng ký trong các trường hợp đi xe từ nơi mua về nhà, trên đường đi làm thủ tục đăng ký, đã được cấp biển số và có giấy hẹn lấy đăng ký của cơ quan Công an. Căn cứ để xác định các trường hợp trên là các giấy tờ mang theo và chỉ giới hạn trong thời gian 30 ngày phải hoàn thành thủ tục đăng ký (Theo quy định của Thông tư 03-TT/BNV ngày 24/7/1995) ngoài thời gian này bị xử phạt.

Biển số giả là biển số không do cơ quan đăng ký xe cấp, nếu gắn biển số không khớp với số ghi trên đăng ký xe cũng bị xử lý như gắn biển số giả.

9. Dùng chân chống quẹt xuống lòng đường khi xe đang chạy (điểm a, khoản 4, Điều 11).

Chỉ xử phạt đối với các trường hợp cố ý, có tính chất càn quấy; những trường hợp do vô ý không gạt chân chống thì nhắc nhở.

10. Sử dụng trái quy định xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên (điểm b, khoản 5, Điều 11).